

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM
VIỆT - TRUNG**

Số: 948./VTM - Ban QLSC-XM

V/v Mời chào giá cung cấp
dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
(400m3/ngày đêm)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tăng loỏng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung (VTM) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Công ty.

Hiện nay Công ty chúng tôi đang có nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m3/(ngày đêm). VTM trân trọng kính mời Quý Công ty có năng lực, kinh nghiệm tham gia chào giá cạnh tranh với các yêu cầu và hướng dẫn cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG:

1. Tên hạng mục: Dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m3/(ngày đêm).
2. Khối lượng công việc và yêu cầu kỹ thuật: (Theo Hồ sơ mời chào giá).
3. Thời gian thực hiện công việc: 36 tháng.
4. Địa điểm làm việc: Nhà máy Gang thép Lào Cai KCN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

II. HỒ SƠ CHÀO GIÁ

1. Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung, tài liệu chính sau:

- Đơn chào hàng.
- Biểu giá chào giá dịch vụ, biểu cam kết không chế chỉ tiêu chất lượng nước sau xử lý.
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp.
- Catalogue giới thiệu công nghệ và hóa chất sử dụng.
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMCG.

(Chi tiết Hồ sơ mời chào giá đính kèm theo thư mời chào giá).

2. Hình thức chào giá

- Bộ HSCG của Nhà cung cấp phải được đóng kín, có niêm phong và gửi đến bên mời chào giá theo một trong các hình thức sau:

+ Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ban QLSC-XM - Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung, địa chỉ: KCN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai, ĐT: 02143.836.885, Fax: 02143.830.345.

3. Thời gian nhận HSCG: Trước 15 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2025.

4. Thời gian mở HSCG:



- Các HSCG sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Ban QLSC-XLM - Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2025.

- Bên mời chào giá mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong TMCG mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC này.

III. QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP:

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG được đánh giá là đầy đủ, hợp lệ; các chỉ tiêu đáp ứng các yêu cầu của HSCG.

- Được xem xét đề nghị cung cấp dịch vụ có giá đánh giá xếp hạng từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

VTM trân trọng kính mời các Nhà cung cấp quan tâm, tham gia chào giá./.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BDH (để chỉ đạo);
- VP (đăng tải lên website Công ty);
- Lưu: VT, Ban QLSC-XM.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Việt





CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT TRUNG



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
(400m3/ngày đêm)

Số hiệu đơn hàng: DV-XLNT/2025/VTM-QLSX

Phát hành ngày: 11/12/2025

Tháng 12 năm 2025

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

1.	Bên mời chào giá	Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung
2.	NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá
3.	HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
4.	HSCG	Hồ sơ chào giá
5.	VNĐ	Đồng Việt Nam

thg

CC
KI
VA
VI
CAOT

Chương I: CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

Mục 1. Giới thiệu về nhu cầu cung cấp dịch vụ xử lý nước của Bên mời chào giá

Bên mời chào giá mời các NCC có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cung cấp: Dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/(ngày đêm).

Mục 2. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/(ngày đêm), gồm các hạng mục công việc nêu tại Mục 2 Chương II của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 3. Thời gian cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm.

Thời gian cung cấp dịch vụ chi tiết như yêu cầu tại Mục 2 Chương II của HSCG.

Mục 4. Thành phần của Hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung. HSCG do NCC chuẩn bị gồm **01 bản chính và 03 bản sao**, bao gồm các nội dung, tài liệu sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Chương IV;
2. Biểu giá chào giá dịch vụ theo Mẫu số 3 Chương IV, Biểu chi tiết cấu thành đơn giá dịch vụ sửa chữa theo Mẫu số 4 Chương IV; Biểu cam kết không chể chể tiêu chất lượng nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm theo mẫu số 5 Chương IV; Biểu chi tiết cấu thành đơn giá hóa chất cho dịch vụ xử lý nước thải tập trung 400m³/ngày đêm theo mẫu số 6 Chương IV; Biểu cam kết cung cấp hàng hóa và thực hiện dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm theo mẫu số 7 chương IV; Bảng kê khai nhân sự chủ chốt theo mẫu số 8 Chương IV;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC; NCC phải nộp trong HSCG của mình tài liệu để chứng minh tư cách pháp lý, lĩnh vực ngành nghề hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các bản sao có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật các tài liệu sau:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...v.v;
 - Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện.
 - Giấy phép bán hàng/thư ủy quyền bán hàng/Cam kết cấp hàng của hãng đối với các loại hóa chất như nội dung số 5, mục 2, chương III.
 - Các tài liệu khác chứng minh năng lực và kinh nghiệm của NCC.

Mục 5. Đơn chào hàng

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương IV, có chữ ký của

Thg

người đại diện hợp pháp của NCC.

Mục 6. Bảng giá chào dịch vụ

- *Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện dịch vụ tại địa điểm theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp NCC chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của NCC sẽ bị loại.*

- Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

- NCC phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSCG

Thời gian có hiệu lực của HSCG là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSCG.

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSCG

1. HSCG do NCC chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn chào hàng, biểu giá chào và các văn bản bổ sung, làm rõ HSCG (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của NCC ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. HSCG được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà cung cấp tự quy định). Nhằm tránh thất lạc và phục vụ quản lý tốt hồ sơ, nhà cung cấp phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSCG:

- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà cung cấp;

- Địa chỉ nộp HSCG;

+ Ban quản lý sửa chữa, xây lắp mới các hạng mục xây dựng cơ bản - Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt -Trung.

+ Địa chỉ: KCN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, Lào Cai.

+ Điện thoại: 02143.836.885 Fax: 02143.830.345

- Tên gói chào hàng/đơn hàng: Dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m3/(ngày đêm).

3. NCC nộp HSCG đến bên mời chào giá theo địa chỉ nêu trên bằng cách gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG là 15 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2025.

- HSCG của NCC gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSCG là không hợp lệ và không được xem xét (ngoại trừ trường hợp bên mời chào giá gia hạn thời gian nộp HSCG).

4. Tất cả các thành phần của HSCG nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn NCC



Thg

phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của NCC và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có) như Mẫu số 2 Chương IV.

Mục 9. Làm rõ HSCG

1. Trong quá trình đánh giá HSCG, bên mời chào giá có thể yêu cầu NCC làm rõ nội dung của HSCG (kể cả việc làm rõ các đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSCG thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSCG.

2. Việc làm rõ HSCG được thực hiện giữa bên mời chào giá và NCC có HSCG cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời chào giá mời NCC đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ có quy định thời hạn làm rõ của NCC. Nội dung làm rõ HSCG thể hiện bằng văn bản được bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSCG. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc NCC có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời chào giá thì tùy theo mức độ có thể sẽ không xem xét tiếp HSCG.

Mục 10. Đánh giá các HSCG

Nguyên tắc đánh giá: Việc đánh giá được thực hiện trên bản chụp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bị loại.

Việc đánh giá HSCG được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Đánh giá sơ bộ:

- a) Kiểm tra tính đầy đủ của HSCG và tư cách hợp lệ của NCC theo quy định tại Mục 4 Chương I (làm rõ HSCG nếu cần thiết);
- b) Kiểm tra tính hợp lệ của đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Chương I.
- c) Hiệu lực của HSCG theo quy định tại Mục 7 Chương I.

HSCG của NCC sẽ không được xem xét tiếp nếu NCC không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên. Chi tiết về tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ như nêu tại Mục 1 Chương III của HSCG.

2. Đánh giá về mặt năng lực và kỹ thuật:

Bên mời chào giá đánh giá theo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật nêu trong HSCG của các HSCG đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ. Việc đánh giá chi tiết về mặt năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt” đối với từng tiêu chí. Nhà cung cấp sẽ vượt qua bước đánh giá chi tiết về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật khi tất cả yêu cầu đều được đánh giá là “Đạt”.

Chi tiết về tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và các yêu cầu khác như nêu tại Mục 2 Chương III của HSCG.

Thg

3. Đánh giá chi tiết về mặt tài chính, thương mại và xếp hạng các HSCG:

HSCG đã vượt qua bước đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật sẽ được đưa vào đánh giá chi tiết về mặt tài chính, thương mại theo trình tự đánh giá như sau:

a) Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ phần giảm giá (nếu có) theo từng danh mục trong HSCG.

b) Xác định giá đánh giá

Bên mời chào giá xác định giá đánh giá của các HSCG theo trình tự sau đây: xác định giá chào; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì Bên mời chào giá sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSCG.

HSCG chào giá sau khi sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có), có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

Chi tiết trình tự thực hiện đánh giá về mặt tài chính, thương mại và xếp hạng các HSCG như nêu tại Mục 3 Chương III của HSCG.

Mục 11. Điều kiện đối với NCC được đề nghị lựa chọn

NCC được đề nghị lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG được đánh giá là đầy đủ, hợp lệ; các chỉ tiêu đáp ứng các yêu cầu của HSCG.

- Được xem xét đề nghị cung cấp dịch vụ có giá đánh giá xếp hạng từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

- Bên mời chào giá có quyền xem xét, so sánh đối với giá dịch vụ về giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch với giá dự toán trong kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp/ngân hàng giá của Bên mời chào giá để từ đó quyết định lựa chọn và đàm phán giá.

Vhg

**Chương II: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, THỜI GIAN CUNG CẤP
DỊCH VỤ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ THƯƠNG MẠI**

Mục 1. Hóa chất sử dụng để cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm.

STT	Tên hóa chất	Lượng dùng (g/m ³)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	H ₂ SO ₄ 60%	50	200	Điều chỉnh pH bể điều hòa
2	PFS (Poly ferric sunfat)	60	200	Hóa chất xử lý sắt và kim loại nặng có trong nước
3	Chất chống tạo bọt	3	200	Bắt buộc phải sử dụng tránh tạo bọt
4	Chất dinh dưỡng (Mật rỉ đường/Methanol)	100	200	Bổ sung dinh dưỡng để duy trì sự ổn định của hệ vi sinh
5	Chế phẩm vi sinh	1	200	Bổ sung chế phẩm để duy trì sự ổn định của hệ vi sinh
6	Chất khử trùng javen	80	200	

Thy

268
Y TH
3 SA
• HKU
RUNG
T.L

Mục 2. Yêu cầu về đảm bảo chất lượng nước sau xử lý

Nhà cung cấp đảm bảo chất lượng nước sau xử lý thỏa mãn theo bảng chỉ tiêu không chế chất lượng nước dưới đây:

CHỈ TIÊU KHÔNG CHẾ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẬP TRUNG TRƯỚC KHI XỬ LÝ VÀ SAU XỬ LÝ

Bảng 1: Bảng chỉ tiêu chất lượng nước thải trước xử lý và sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị nước thải trước xử lý	Giá trị nước thải sau xử lý (căn cứ theo cột B, QCVN 40:2025/BTNMT)
1	pH		$5,5 < \text{pH} < 9,5$	$6 < \text{pH} < 9$
2	COD	mg/L	< 250	< 90
3	TSS	mg/L	< 300	< 80
4	T-N	mg/L	< 80	< 40
5	T-P	mg/L	< 20	< 6
6	Độ màu	mg/L	< 150	< 100
7	Fe	mg/L	< 20	< 10
8	Amoni	mg/L	< 40	< 10
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	< 6	< 5
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	< 30	< 15
11	Sunfua (S^{2-})	mg/L	< 1	$< 0,5$
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	< 10	< 5

Thg

Mục 3. Yêu cầu về thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ

Thời gian thực hiện dịch vụ: Định kỳ theo tháng, bắt đầu từ ngày.....thángnăm đến hết ngày.....tháng.....năm Hàng tháng bắt đầu từ ngày 01 đến hết ngày 30 hoặc 31 (tùy theo từng tháng).

Địa điểm thực hiện dịch vụ: Tại Nhà máy gang thép Lào Cai, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung, Địa chỉ: KCN Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Mục 4: Yêu cầu về thời gian thanh toán (chuyển tiền)

Bên mời chào giá sẽ thanh toán cho Nhà cung cấp theo từng tháng sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu chất lượng nước sau xử lý từng tháng và thời gian thanh toán tối đa 30 ngày làm việc sau khi bên mời chào giá đã nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ và các giấy tờ khác liên quan.

Mục 5. Yêu cầu về nghiệm thu:

Bên mời chào giá chỉ tiến hành nghiệm thu khi chất lượng nước sau xử lý của từng tháng đạt yêu cầu của bên mời chào giá như mục 2 Chương II.

Mục 6: Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật:

Để đảm bảo chất lượng nước sau xử lý. Yêu cầu nhà cung cấp cử cán bộ kỹ thuật đã có kinh nghiệm và chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật có mặt khi có biến động về các chỉ tiêu cam kết của nhà cung cấp trong vòng 48 tiếng khi có yêu cầu của Bên mời chào giá.

Vhg

Chương III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSCG

Mục 1. Đánh giá sơ bộ các HSCG

Bên mời chào giá sẽ tiến hành đánh giá sơ bộ các HSCG theo các nội dung, tiêu chí cụ thể như trong biểu dưới đây.

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ CÁC HSCG

STT	Nội dung tiêu chí	Mức độ yêu cầu để được đánh giá là “Đáp ứng”
I	Mức độ đầy đủ của HSCG và tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp:	
1	Bản chính của HSCG	Có bản chính của HSCG
2	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC.	HSCG có một trong các loại tài liệu sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
3	Đơn chào hàng	Có đơn chào hàng kèm theo HSCG.
4	Biểu giá chào hàng	Có biểu giá chào hàng kèm theo HSCG.
5	Biểu cam kết chất lượng nước	Có biểu cam kết khống chế chỉ tiêu chất lượng nước kèm theo HSCG theo Mẫu số 5 Chương IV
II	Tính hợp lệ của đơn chào hàng:	Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1, 3 và Mẫu số 4 Chương IV của HSMCG có chữ ký của người đại diện hợp pháp (Trường hợp ủy quyền ký đơn chào hàng phải có kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương IV của HSMCG)
III	Hiệu lực của HSCG	HSCG có hiệu lực tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSCG.

HSCG của NCC (sau khi đã được làm rõ và bổ sung tài liệu nếu có theo yêu cầu của bên mời chào giá) sẽ không được xem xét tiếp nếu NCC không đáp ứng một trong các nội dung yêu cầu trong bảng trên.

Mục 2. Đánh giá về kỹ thuật và các yêu cầu khác:

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ MẶT KỸ THUẬT VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC

HSCG của các nhà cung cấp đã vượt qua bước đánh giá về sơ bộ sẽ được bên mời chào giá đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật đối với từng loại hàng hóa. Bên mời chào giá

Thg

sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” để đánh giá HSCG theo tiêu chuẩn đánh giá cụ thể như biểu dưới đây.

STT	Nội dung tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng của HSCG	
		“Đạt”	“Không đạt”
1	Chủng loại, thông số kỹ thuật và khối lượng vật tư cơ bản được sử dụng.	Đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu tại mục 1 chương II	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu bên
2	Chất lượng nước sau xử lý	Đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu tại mục 2 chương II	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu bên
3	Thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ	Đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu tại mục 3 chương II	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hoá tương tự	Có tối thiểu 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước mặt hoặc hệ thống xử lý nước tuần hoàn đã hoặc đang thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 trở lại đây (tính đến thời điểm đóng chào giá), giá trị tối thiểu (không bao gồm VAT) của hợp đồng là 1 tỷ đồng/năm hoặc 85 triệu đồng/tháng với thời gian ≥ 12 tháng.	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
5	Giấy ủy quyền bán hàng trong trường hợp nhà cung cấp không phải là nhà sản xuất	Có Giấy phép bán hàng/thư ủy quyền bán hàng/Cam kết cấp hàng của nhà sản xuất (hoặc đại lý phân phối) trong trường hợp nhà cung cấp không phải là nhà sản xuất đối với các hóa chất 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật đối với vật tư được sử dụng để cung cấp dịch vụ, chương II HSMCG.	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
6	Giấy chứng nhận quản lý chất lượng; Giấy quản lý môi trường; Giấy quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	Có Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Giấy chứng nhận Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
7	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh	Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất/kinh doanh hóa chất do cơ quan	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên

Thg

STT	Nội dung tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng của HSCG	
		“Đạt”	“Không đạt”
	doanh hóa chất	chức năng có thẩm quyền cấp. Giấy phép phải có hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu và cam kết cung cấp Giấy phép gia hạn/thay thế có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.	
8	Kê khai nhân sự chủ chốt	Có bản kê khai nhân sự chủ chốt - lý lịch cán bộ/chuyên gia theo Mẫu số 06/Chương IV: - Cán bộ quản lý có trình độ Đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật môi trường/công nghệ môi trường hoặc tương đương. Số lượng: 01 người. Kinh nghiệm làm việc ≥ 8 năm tại Công ty cung cấp dịch vụ. - Cán bộ kỹ thuật có trình độ Đại học trở lên chuyên ngành hóa chất, môi trường hoặc tương đương. Số lượng: 01 người. Kinh nghiệm làm việc ≥ 5 năm tại Công ty cung cấp dịch vụ. Cán bộ kỹ thuật đã có kinh nghiệm tham gia thi công hoặc sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ít nhất 01 công trình có giá trị hợp đồng > 1 tỷ đồng. - Cán bộ kỹ thuật phải có chứng nhận đã hoàn thành khóa huấn luyện an toàn lao động trong hóa chất hoặc tương đương.	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
9	Phương pháp duy trì, ổn định chất lượng nước thải sinh hoạt tập trung	Cam kết phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt tập trung định kỳ hàng ngày bằng các thiết bị đo nhanh. Ghi nhật ký theo dõi chất lượng nước hàng ngày.	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên
10	Hỗ trợ kỹ thuật	Nhà cung cấp cam kết cử cán bộ kỹ thuật khi có biến động về các chỉ tiêu cam kết của nhà cung cấp trong vòng 48 tiếng khi có yêu cầu của Bên mời chào giá.	Không đáp ứng yêu cầu nêu bên

HSCG của NCC có các danh mục vật tư chào được đánh giá là “Đạt” đối với tất cả các tiêu chuẩn trong bảng trên sẽ được coi là “Đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật” và được đưa vào đánh giá ở bước tiếp theo.

Mục 3. Đánh giá về giá:

Thg

Bên mời báo giá dùng phương pháp giá thấp nhất để đánh giá về giá, gồm các bước sau:

- + Bước 1: Xác định đơn giá chào;
- + Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo ghi chú (1);
- + Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo ghi chú (2);
- + Bước 4: Xác định đơn giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);
- + Bước 5: Xác định giá thấp nhất và xếp hạng HSCG;
- + Bước 6: Tổng hợp kết quả đánh giá;
- + Bước 7: Thương thảo thực hiện đơn hàng;
- + Bước 8: Báo cáo kết quả thương thảo và kiến nghị phê duyệt kết quả chào giá

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc đơn hàng, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMCG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

i. Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì ghi giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMCG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

ii. Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMCG;

iii. Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) hoặc dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời báo giá cho rằng dấu phẩy hay dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

iv. Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

v. Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm

Thg

ST
TINH
SAN
KIM
NG
T.LAO

cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSCG của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSCG của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSCG của các NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; Trường hợp trong HSCG của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của đơn hàng làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp duy nhất chỉ có một NCC vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSCG của NCC này; trường hợp HSCG của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của đơn hàng làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn Chào hàng.

Mục 4. Tổng hợp, xếp hạng các HSCG và kiến nghị trúng chào giá

Trên cơ sở kết quả đánh giá chi tiết các HSCG theo các trình tự đánh giá như trên, HSCG nào có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được xem xét để lựa chọn cung cấp dịch vụ hàng hóa.

Thg



Chương IV: BIỂU MẪU

Mẫu số 1. ĐƠN CHÀO HÀNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung
(Sau đây gọi là bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời chào giá kèm theo Văn bản thông báo mời chào giá số ____ /VTM-QLSX ngày ____ / ____ /2025 mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện cung cấp các danh mục vật tư theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền cung cấp đã bao gồm phí, lệ phí và thuế giá trị gia tăng là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá chào hàng và các tài liệu kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất chào giá].

Đại diện hợp pháp của NCC⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trước khi ký kết hợp đồng, NCC được lựa chọn phải trình Bên mời chào giá bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

Thg

Mẫu số 2. GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của NCC*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên NCC*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của NCC*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cung cấp các vật tư do ____ [*Ghi tên bên mời chào giá*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với bên mời chào giá nếu được lựa chọn cung cấp hàng hóa.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên NCC*]. ____ [*Ghi tên NCC*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
NCC, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của NCC cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của NCC để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của NCC thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của NCC hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Thg

**Mẫu số 3. Biểu mẫu chào hàng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
tập trung 400m3/ngày đêm**

TT	Chi phí xử lý nước thải	VNĐ/ngày	Ghi chú
1	Chi phí sửa chữa hệ thống xử lý nước thải		
2	Chi phí hóa chất		Chi phí hóa chất tính cho công suất xử lý 200 m3/ngày.
3	Chi phí nhân công vận hành		
4	Chi phí bảo trì bảo dưỡng		
5	Chi phí phân tích thông số chất lượng nước		
Tổng chi phí tính (VNĐ/ngày)			

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4: Biểu chi tiết cấu thành đơn giá dịch vụ sửa chữa hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm

Bảng 1: Chi phí sửa chữa hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cung cấp hệ thống đo pH	- Hệ thống đo và kiểm soát pH - Bao gồm đầu đo và bộ transmitter - Đầu đo đo pH = 1 - 14 - Bộ tra`nsmitter, nguồn điện 220V/50Hzm, tín hiệu relay để điều khiển bơm hóa chất, tín hiệu 4-20 mA - Bao gồm phụ kiện, tủ inox, chân đế, giá đỡ treo đầu đo, vỏ bảo vệ đầu đo, dung dịch bảo vệ đầu đo, dung dịch chuẩn pH	bộ	1		
2	Cung cấp bơm định lượng điều chỉnh pH	- Bơm định lượng, đầu bơm PVDF, màng bơm PTFE, chịu được axit - Q = 0 - 9 L/h, H = 0 - 3 bar - Nguồn điện 220V/50Hz	bộ	1		
3	Cung cấp bơm định lượng chất xử lý kim loại nặng (PFS)	- Bơm định lượng, đầu bơm PP, màng bơm PTFE, - Q = 0 - 15 L/h, H = 0 - 1,5bar - Nguồn điện 220V/50Hz	bộ	2		
4	Cung cấp bơm định lượng cung cấp dinh dưỡng	- Bơm định lượng, đầu bơm PP, màng bơm PTFE, - Q = 0 - 15 L/h, H = 0 - 1,5bar - Nguồn điện 220V/50Hz	bộ	2		
5	Cung cấp bơm định lượng chất phá bọt	- Bơm định lượng, đầu bơm PP, màng bơm PTFE, - Q = 0 - 15 L/h, H = 0 - 1,5bar - Nguồn điện 220V/50Hz	bộ	2		
6	Cung cấp bồn pha hóa chất	- Bồn nhựa đứng 1.000 L, Vật liệu PE	bộ	1		

Thg

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Cung cấp bộ cánh khuấy pha hóa chất (cho hóa chất PFS)	- Máy khuấy tốc độ 80 - 90 vòng/phút - Motor: 0,75 kW/380V/50Hz - Cánh khuấy dài 1.200mm, 2 tầng cánh, đường kính cánh 400 mm. Vật liệu SUS304	bộ	1		
8	Cung cấp ống phân phối khí bể điều hòa	- Ống phân phối dạng đứng - Vật liệu nhựa PP - Lưu lượng khí: 0,15 - 0,3 m ³ /min - Kết nối kiểu ren DN20	bộ	20		
9	Cung cấp ống phân phối khí bể SBR	- Ống phân phối dạng đứng - Vật liệu nhựa PP - Lưu lượng khí: 0,15 - 0,3 m ³ /min - Kết nối kiểu ren DN20	bộ	50		
10	Cung cấp bơm chìm bể điều hòa	- Bơm chìm nước thải - Lưu lượng: 20 m ³ /h, H = 10 mH ₂ O - P = 1,5 kW/380V/50Hz - Bao gồm đầy đủ phụ kiện thanh dẫn hướng, xích	bộ	2		
11	Cung cấp bơm tuần hoàn bùn tại bể SBR	- Bơm nước thải dạng airlift - Vật liệu chế tạo SUS304, UPVC - Lưu lượng: 20 m ³ /h, H = 10 mH ₂ O	bộ	2		
12	Cung cấp bơm thải bùn	- Bơm nước thải dạng airlift - Vật liệu chế tạo SUS304, UPVC - Lưu lượng: 20 m ³ /h, H = 10 mH ₂ O	bộ	2		
13	Cung cấp bơm sau xử lý	- Bơm ly tâm trục ngang - Lưu lượng 20 m ³ /h, H = 30 mH ₂ O - P = 3,0 - 3,7 kW/380V/50Hz	bộ	2		



 T. CT. T. M. T.

 H. H.

 J. C. A. I.

2hg

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
14	Cung cấp bồn lọc áp lực	- Bồn composite mã 6394 hoặc tương đương về kích thước - Đường kính D = 1.620, H = 2.400 mm - Cửa trên và dưới 6", kết nối đường ống DN80 (3") - Loại lưu lượng 40 m3/h - Thể tích vật liệu lọc > 1.500 L	cái	1		
15	Cung cấp hệ thống 5 van	- Hệ 5 van cho bồn lọc nước - Van vật liệu UPVC, kích thước DN80, PN10	bộ	1		
16	Cung cấp vật liệu lọc cát thạch anh	- Cát thạch anh chuyên dùng cho lọc nước kích thước 1 - 3 mm.	kg	350		
17	Cung cấp vật liệu lọc đá xốp	- Đá lọc xốp kích thước 1 - 3 mm - bao 40L	bao	40		
18	Cung cấp đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý	- Đồng hồ dạng cơ chuyên dụng cho nước thải - Kích thước DN80	cái	1		
19	Cung cấp van điện cho bể SBR	- Van bướm điều khiển điện DN150 - Thân van vật liệu UPVC, kiểu van bướm, DN150 - Động cơ điện chạy điện 220V/50Hz, loại tiếp điểm xác định trạng thái của van	cái	2		
20	Cung cấp van điện cho sục khí bể SBR	- Van bướm điều khiển điện DN100 - Thân van vật liệu UPVC, kiểu van bướm, DN100 - Động cơ điện chạy điện 220V/50Hz, loại tiếp điểm xác định trạng thái của van	cái	2		

2hg

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
21	Cung cấp van điện cho đường nước bể SBR	- Van bướm điều khiển điện DN100 - Thân van vật liệu UPVC, kiểu van bướm, DN80 - Động cơ điện chạy điện 220V/50Hz, loại tiếp điểm xác định trạng thái của van	cái	2		
22	Cung cấp phao điện cho hệ thống xử lý nước thải	- Phao điện kiểu switch (ON/OFF) - Dạng tiếp điểm báo đầy/báo cạn	cái	12		
23	Cung cấp giá đỡ cho thiết bị	- Giá đỡ thiết bị, gia công tại công trường - Thép V50x50x3 - Sơn chống gỉ	kg	200		
24	Cung cấp tủ điện điều khiển	- Tủ điện điều khiển trong nhà, 1 lớp cửa - Vỏ tủ điện thép sơn tĩnh điện - Tủ điện bao gồm cả phần điều khiển và phần động lực - Tủ điện bao gồm các chức năng chống mất pha, ngược pha, chống sét lan truyền - Linh kiện chính trong tủ điện bao gồm MCB, MCCB, Rơ le nhiệt ... Hãng sản xuất: LS/Mitsubishi/Schneider. - PLC. Hãng sản xuất: Siemens - Màn hình hiển thị HMI. Hãng sản xuất: Weintek	bộ	1		
25	Cung cấp ống UPVC D110	- Ống UPVC 110 - C3	m	56		
26	Cung cấp ống UPVC D90	- Ống UPVC 90 - C3	m	76		
27	Cung cấp ống UPVC D60	- Ống UPVC 60 - C3	m	64		



2hg

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
28	Cung cấp ống UPVC D34	- Ống UPVC 34 - C3	m	72		
29	Cung cấp ống UPVC D21	- Ống UPVC 21 - C3	m	100		
30	Cung cấp ống dẫn hóa chất	- Dây Teflon 6 mm, chịu hóa chất	m	150		
31	Cung cấp van inox 304 DN25	- Van bi inox tay gạt - Vật liệu SUS304, Van DN25, kết nối ren trong L34	cái	8		
32	Cung cấp Cút UPVC D110	- Vật liệu UPVC D110, PN10	cái	8		
33	Cung cấp Cút UPVC D90	- Vật liệu UPVC D90, PN10	cái	18		
34	Cung cấp Cút UPVC D60	- Vật liệu UPVC D60, PN10	cái	20		
35	Cung cấp Tee UPVC D110	- Vật liệu UPVC D110, PN10	cái	6		
36	Cung cấp Tee UPVC D90	- Vật liệu UPVC D90, PN10	cái	16		
37	Cung cấp Tee UPVC D60	- Vật liệu UPVC D60,	cái	24		
38	Cung cấp giá đỡ đường ống	- Giá đỡ đường ống dưới bể - SUS304 V40x40x3 - U bolt ôm ống, vật liệu SUS304	kg	400		
39	Cung cấp dây cáp điều khiển cho thiết bị đo pH, van điện, phao điện (loại có chống nhiễu)	- Dây DVV/Sc-3x0,5 mm2	m	200		
40	Cung cấp dây điện cấp nguồn	- Dây CVV 4x2,5	m	100		

Thg

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
41	Cung cấp ống bảo vệ dây điện	- Ống bảo vệ phi 25 mm - Đai ôm ống SUS304	m	300		
42	Vật tư phụ kiện lắp đặt khác	- Bao gồm gioăng, mặt bích - Bu lông phù hợp - Keo dán đường ống - Bu lông nở inox - Que hàn, sơn...	gói	1		
B	Lắp đặt thiết bị, vật tư bảo trì, bảo dưỡng					
1	Hạng mục hút bùn	- Xe chuyên dụng hút bùn và vệ sinh bùn thải. - Thải bỏ bùn đúng nơi quy định	m3	200		
2	Hạng mục vệ sinh bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cũ	- Dọn dẹp, vệ sinh mặt bằng - Tháo dỡ các thiết bị hư hỏng: van điện, hệ thống sục khí chìm, bơm chìm, đường ống, tháo dỡ tủ điện cũ - Bảo trì, bảo dưỡng máy thổi khí - Bảo trì, bảo dưỡng bơm định lượng - Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thu nước của bể SBR - Bảo dưỡng, kiểm tra đầu nối hệ thống điện - Tháo dỡ tủ điện cũ	gói	1		
3	Công tác lắp đặt thiết bị, vật tư mới	- Lắp đặt thiết bị mới - Lắp đặt đường ống, dây điện - Gia công, lắp đặt hệ thống giá đỡ tại công trường - Tổng thời gian thi công trong 30 ngày.	gói	1		
4	Lập trình nguyên lý điều khiển trên PLC	- Nguyên lý logic vận hành hệ thống xử lý nước thải - Lập trình trên PLC. - Lập trình trên HMI. - Chạy commissioning hệ	bộ	1		

2/10

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		thống				
C	Chi phí hóa chất, chế phẩm dinh dưỡng khởi động hệ thống					
1	Chế phẩm MICROBE-LIFT IND	- Chế phẩm xử lý COD, BOD trong nước - Chai 1 gallon (3,78 L)	chai	8		
2	Chế phẩm MICROBE-LIFT N1	- Chế phẩm xử lý N1 trong nước - Chai 1 gallon (3,78 L)	chai	8		
3	Chế phẩm EcoClean™ 211	- Chế phẩm xử lý nuôi cấy vi sinh - Thùng 25 pound	thùng	1		
4	Chế phẩm dinh dưỡng	- Chế phẩm mật ri đường - Can 30 kg	can	40		
Tổng cộng trước thuế						
Thuế GTGT						
Tổng cộng sau thuế						

2hg

326
TY TI
GSA
ANK
BUN
T.L

**Mẫu số 5. Biểu cam kết không chể chỉ tiêu chất lượng nước
thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị nước thải trước xử lý	Giá trị nước thải sau xử lý (căn cứ theo cột B, QCVN 40:2025/BTNMT)
1	pH		5,5 < pH < 9,5	6 < pH < 9
2	COD	mg/L	< 250	< 90
3	TSS	mg/L	< 300	< 80
4	T-N	mg/L	< 80	< 40
5	T-P	mg/L	< 20	< 6
6	Độ màu	mg/L	< 150	< 100
7	Fe	mg/L	< 20	<10
8	Amoni	mg/L	< 40	< 10
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	< 6	<5
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	< 30	< 15
11	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	< 1	< 0,5
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	< 10	<5

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong HSCG của mình, nhà cung cấp phải kèm theo catalogue của hàng hóa hoặc giấy tờ có tính tương đương để chứng minh về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa mà nhà cung cấp sử dụng trong đơn hàng này.

Thg

Mẫu số 6. Biểu chi tiết cấu thành đơn giá hóa chất cho dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm

STT	Tên hóa chất, vật tư	Lượng dùng (g/m ³)	Đơn giá (VNĐ/kg)	Thành tiền (VNĐ/m ³)
1				
2				
3				
4				
Tổng chi phí hóa chất tính trên 1 m ³ (VNĐ/m ³)				

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong HSCG của mình, nhà cung cấp phải kèm theo catalogue của hàng hóa hoặc giấy tờ có tính tương đương để chứng minh về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa mà nhà cung cấp sử dụng trong đơn hàng này.



**Mẫu số 7. Biểu cam kết cung cấp hàng hóa
và thực hiện dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 400m³/ngày đêm.**

1. Cam kết về đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác của hàng hóa:

STT	Chủng loại hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác hàng hóa	Đặc tính, quy cách, thông số kỹ thuật, bao bì đóng gói	Nhà sản xuất/Xuất xứ	Các yêu cầu khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

2. Cam kết về thời gian, địa điểm thực hiện dịch vụ:

3. Thời hạn thanh toán (chuyển tiền): trong vòng.... ngày kể từ ngày bên Mua nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định và hai bên thống nhất chất lượng nước sau xử lý đặt ra.

4. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong HSCG của mình, nhà cung cấp phải kèm theo catalogue của hàng hóa hoặc giấy tờ có tính tương đương để chứng minh về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa mà nhà cung cấp sử dụng trong đơn hàng này.



Thg

Mẫu số 8. Bảng kê khai nhân sự chủ chốt

Vị trí/chức danh:	
Họ tên:	Ngày, tháng, năm sinh:
Trình độ chuyên môn:	
Tóm tắt quá trình công tác:	
Số năm kinh nghiệm đã làm với vị trí chức danh tương tự:	
Các chứng chỉ đào tạo:	

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Nhà cung cấp phải cung cấp kèm theo HSCG bản chụp đã được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan đối với nhân sự chủ chốt đã kê khai nêu trên để chứng minh.

2hg

